

- neonatal outcomes of pregnant patients with COVID-19: A prospective cohort study", *Int J Gynaecol Obstet*, 153(3), pp. 449-456.
- R. da Rosa Mesquita, L. C. Francelino Silva Junior, F. M. Santos Santana, et al.** (2021), "Clinical manifestations of COVID-19 in the general population: systematic review", *Wien Klin Wochenschr*, 133(7-8), pp. 377-382.
 - G. Grgić, A. Cerovac, I. Hudić, et al.** (2022), "Clinical Manifestation and Obstetric Outcomes in Pregnant Women with SARS-CoV-2 Infection at Delivery: A Retrospective Cohort Analysis", *J Pers Med*, 12(9).
 - T. A. Manuck, M. M. Rice, J. L. Bailit, et al.** (2016), "Preterm neonatal morbidity and mortality by gestational age: a contemporary cohort", *Am J Obstet Gynecol*, 215(1), pp. 103.e101-103.e114.
 - M. Prabhu, K. Cagino, K. C. Matthews, et al.** (2020), "Pregnancy and postpartum outcomes in a universally tested population for SARS-CoV-2 in New York City: a prospective cohort study", *Bjog*, 127(12), pp. 1548-1556.
 - F. Zhou, T. Yu, R. Du, et al.** (2020), "Clinical course and risk factors for mortality of adult inpatients with COVID-19 in Wuhan, China: a retrospective cohort study", *Lancet*, 395(10229), pp. 1054-1062.
 - Tessa M. Wardlaw, Ann Klimas Blanc, Jelka Zupan, et al.** (2004). Low birthweight: country regional and global estimates.

MỐI LIÊN QUAN GIỮA ĐA NHIỆM PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG VÀ TRẦM CẢM, LO ÂU, STRESS Ở HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Võ Minh Đức¹, Thái Thanh Trúc¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Đa nhiệm phương tiện truyền thông (PTTT) là hành vi phổ biến ở giới trẻ và có thể có liên quan đến các rối loạn trầm cảm, lo âu, stress. **Mục tiêu:** Nghiên cứu nhằm xác định mối liên quan giữa đa nhiệm PTTT và tình trạng trầm cảm, lo âu, stress ở học sinh trung học phổ thông tại thành phố Hồ Chí Minh. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện từ tháng 1-3/2023 tại 4 trường THPT ở 4 quận/huyện với sự tham gia của 1009 học sinh. Học sinh hoàn thành bộ câu hỏi tự điền bao gồm các nội dung về đặc điểm dân số xã hội, đa nhiệm PTTT bằng thang đo MMM-L và trầm cảm, lo âu, stress thông qua thang đo DASS-21. **Kết quả:** Tỷ lệ trầm cảm, lo âu và stress lần lượt là 55,8%, 67,9% và 50,2%. Học sinh chủ yếu đa nhiệm khi nhắn tin (97,0%), lướt mạng xã hội (92,9%) và nghe nhạc (90,9%). Ăn uống và làm bài tập về nhà là 2 hoạt động phi truyền thông có tỉ lệ đa nhiệm cao nhất (90,3% và 89,7%). Học sinh đa nhiệm trong khi nhắn tin có chênh lệch mắc trầm cảm, lo âu và stress cao nhất. Trong nhóm hoạt động phi truyền thông, đa nhiệm trong khi làm bài tập về nhà có chênh lệch mắc trầm cảm và lo âu nhiều hơn, đa nhiệm khi đang ăn uống và tự học có chênh lệch mắc stress nhiều hơn. **Kết luận:** Chênh lệch mắc các rối loạn trên khác nhau đối với từng hoạt động đa nhiệm. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường trong việc kiểm soát, quản lý hoạt động sử dụng các PTTT và hành vi lối sống hàng ngày của học sinh để phòng

ngừa các vấn đề sức khỏe tâm thần. **Từ khóa:** Đa nhiệm phương tiện truyền thông, trầm cảm, lo âu, stress, học sinh, trung học phổ thông.

SUMMARY

THE ASSOCIATION BETWEEN MEDIA MULTITASKING AND DEPRESSION, ANXIETY, STRESS AMONG HIGH SCHOOL STUDENTS IN HO CHI MINH CITY

Background: Media multitasking is a common habit in adolescents and young adults and is associated with increased depression, anxiety, stress symptoms. **Objectives:** This study evaluated the association between media multitasking and depression, anxiety, stress among high school students in Ho Chi Minh City. **Materials and methods:** This cross-sectional study was carried out during January to March 2023 at 4 high schools in 4 districts in Ho Chi Minh City with the participation of 1009 students. Students completed a self-reported questionnaire which included information about demographic characteristics, media multitasking measured by the MMM-L scale and depression, anxiety, stress assessed by the DASS-21 scale. **Results:** The prevalence of depression, anxiety and stress was 55.8%, 67.9% and 50.2%, respectively. Most students multi-tasked while texting (99.0%), surfing social network sites (92.9%) and listening to music (90.9%). Eating and doing homework were the two non-media activities with the highest prevalence (90.3% and 89.7%). Multitasking while texting was associated with the highest odds of depression, anxiety and stress. In the non-media activity group, multitasking while doing homework was associated with a higher odds of depression and anxiety. Multitasking while eating and self-studying were associated with a higher odds of stress. **Conclusion:** There was difference in the odds of

¹Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Võ Minh Đức

Email: vmduc.yhdp17@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 5.5.2023

Ngày phản biện khoa học: 22.6.2023

Ngày duyệt bài: 7.7.2023

having depression, anxiety and stress in different multitasking activities. It is necessary to have a close cooperation between families and schools in controlling and managing students' use of media and their daily lifestyle behaviors to prevent mental health problems. **Keywords:** Media multitasking, depression, anxiety, stress, student, high school.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đa nhiệm phương tiện truyền thông là thuật ngữ dùng để chỉ hành vi thực hiện đồng thời hai hay nhiều hoạt động bằng các phương tiện truyền thông (PTTT) khác nhau [4]. Với sự phát triển mạnh mẽ của nền khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện nay, thói quen này ngày càng phổ biến ở giới trẻ, nhất là lứa tuổi vị thành niên (VTN) với trung bình 25 – 50% thời gian trong ngày để sử dụng đồng thời nhiều PTTT khác nhau [6]. Tại Mỹ, thanh thiếu niên (TTN) dành khoảng 7,5 giờ mỗi ngày để sử dụng các PTTT với 29% thời gian đa nhiệm vào năm 2015 và tăng lên 60% với hơn 9 giờ mỗi ngày cho hành vi này trong thời gian gần đây [5]. Tại châu Á cũng ghi nhận đến 60,3% TTN Trung Quốc và 90% sinh viên Hàn Quốc có hành vi đa nhiệm PTTT nhiều hơn một lần trong ngày [6].

Vì khó tập trung khi làm nhiều việc cùng lúc, nên hành vi đa nhiệm PTTT thường có ảnh hưởng tiêu cực đến cả trí tuệ lẫn sức khỏe thể chất của con người, đặc biệt đối với tuổi VTN [8]. Bên cạnh những tác động tiêu cực đến hoạt động nhận thức, làm giảm khả năng tập trung chú ý và hiệu suất ghi nhớ [4], nguy cơ dẫn đến béo phì [5], ảnh hưởng chất lượng giấc ngủ và gia tăng khả năng xảy ra tai nạn [4, 5]. Các nghiên cứu còn cho thấy thói quen đa nhiệm PTTT có liên quan đến sự gia tăng mạnh mẽ các vấn đề sức khỏe tâm thần, nhất là trầm cảm, lo âu và stress [6-8]. Tại Việt Nam, khái niệm và các ảnh hưởng của đa nhiệm PTTT chưa được nghiên cứu, nên vẫn chưa có các giải pháp can thiệp, hỗ trợ cho VTN về vấn đề này.

Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố hiện đại với mật độ dân cư đông đúc, là nơi tập trung của 118 trường THPT với hơn 27 000 học sinh. Trẻ em và VTN nơi đây được sớm tiếp cận với các thiết bị công nghệ thông minh tiên tiến. Tuy nhiên, tình trạng sức khỏe tâm thần (SKTT) của VTN Việt Nam nói chung hay TP.HCM nói riêng luôn ở mức đáng báo động và cần được quan tâm [3]. Các khảo sát trước đây cho thấy khoảng 8 – 29% VTN ở Việt Nam mắc các rối loạn tâm thần (RLTT) [1, 2]. Riêng đối với học sinh trung học phổ thông tại thành phố, năm 2020 ghi nhận tỉ lệ trẻ có vấn đề stress, lo âu, trầm cảm lần

lượt là 36,1%, 39,8%, 59,8% [3]. Cho đến nay, nghiên cứu về tác động của hành vi đa nhiệm PTTT đến SKTT trên trẻ em tại Việt Nam vẫn còn hạn chế. Từ những lý do trên, mục tiêu của nghiên cứu này là xác định mối liên quan của hành vi đa nhiệm PTTT với tình trạng trầm cảm, lo âu và stress ở học sinh THPT tại TP.HCM. Kết quả của nghiên cứu có thể góp phần đưa ra những giải pháp can thiệp phù hợp nhằm cải thiện và nâng cao sức khỏe cho học sinh.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng và thiết kế nghiên cứu.

Nghiên cứu cắt ngang được tiến hành từ tháng 1-3/2023 trên 1009 học sinh từ 4 trường trung học phổ thông tại quận 5, quận 10, quận Tân Bình và huyện Nhà Bè. Các trường được chọn bằng phương pháp lấy mẫu cụm nhiều bậc và bốc thăm ngẫu nhiên cho từng quận/huyện được với đơn vị chọn mẫu là lớp học. Sau khi nhận được sự đồng ý của ban giám hiệu nhà trường và xác nhận của phụ huynh học sinh/người giám hộ, tất cả học sinh trong 27 lớp 10, 11, 12 đồng ý tham gia nghiên cứu và hoàn thành bộ câu hỏi tự điền, học sinh vắng mặt trong lần khảo sát bị loại ra khỏi nghiên cứu. Tỉ lệ tham gia nghiên cứu là 94%.

Công cụ thu thập số liệu. Bộ câu hỏi tự điền về đặc điểm dân số xã hội, gia đình, thông tin sử dụng phương tiện truyền thông. Sự gắn kết với nhà trường được đo lường bằng thang đo School Connectedness (SC) gồm 5 câu. Hành vi đa nhiệm PTTT được xác định bằng thang đo Media Multitasking Measure - Long version (MMM-L) có giá trị tin cậy và tính nhất quán nội bộ cao, các câu hỏi được đánh giá trên thang điểm 1 = 'không bao giờ' tương ứng với 'không đa nhiệm', điểm từ 2 = 'thỉnh thoảng', 3 = 'thường xuyên' đến 4 = 'rất thường xuyên' tương ứng với 'có đa nhiệm' [4]. Tình trạng trầm cảm, lo âu và stress được đánh giá thông qua thang đo Depression Anxiety Stress scale – 21 items (DASS-21) gồm 7 câu hỏi cho mỗi phần, thang đo đã được sử dụng rộng rãi ở nhiều quốc gia và chuẩn hóa tại Việt Nam [3].

Phân tích dữ kiện. Số liệu được nhập bằng phần mềm Epi/v4.6.0.2 và phân tích bằng phần mềm Stata17.0. Kiểm định Chi bình phương hoặc Fisher với mức ý nghĩa $p < 0,05$ được sử dụng để xét liên quan. Kết quả phân tích được báo cáo dưới dạng tỉ số số chênh (OR # Odds Ratio) kèm theo khoảng tin cậy 95% bằng mô hình hồi qui logistic.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trong tổng số 1009 học sinh tham gia nghiên cứu, số lượng nam và nữ không chênh lệch nhiều (học sinh nữ chiếm 56,0%). Đa số học sinh là dân tộc Kinh và theo nhiều tôn giáo khác nhau. Số lượng học sinh tham gia phân bố đồng đều ở cả 3 khối lớp. Phần lớn học lực của học sinh đạt mức khá nhưng hầu hết đều có hạnh kiểm tốt.

Bảng 1: Đặc điểm cá nhân của học sinh tham gia nghiên cứu (n=1009)

Đặc điểm	Tần số	(%)
Giới tính		
Nam	444	44,0
Nữ	565	56,0
Dân tộc		
Kinh	880	87,2

Khác	129	12,8
Tôn giáo		
Không	481	47,7
Tôn giáo khác	528	52,3
Khối lớp		
Lớp 10	353	35,0
Lớp 11	339	33,6
Lớp 12	317	31,4
Học lực		
Giỏi	325	32,2
Khá	464	46,0
Khác	220	21,8
Hạnh kiểm		
Tốt	920	91,2
Khá	72	7,1
Khác	17	1,7

Bảng 2: Tỷ lệ và mức độ đa nhiệm phương tiện truyền thông của học sinh (n=1009)

Đặc điểm	Tần số (%)					
	Đa nhiệm		Mức độ đa nhiệm			
	Không	Có	Không đa nhiệm	Đa nhiệm với 1-2 phương tiện	Đa nhiệm với 3-4 phương tiện	Đa nhiệm trên 4 phương tiện
Hoạt động truyền thông						
Xem tivi	210 (20,8)	799 (79,2)	210 (20,8)	71 (7,0)	137 (13,6)	591 (58,6)
Nhắn tin	30 (3,0)	979 (97,0)	30 (3,0)	75 (7,4)	152 (15,1)	752 (74,5)
Nghe nhạc	92 (9,1)	917 (90,9)	92 (9,1)	111 (11,0)	199 (19,7)	607 (60,2)
Lướt mạng xã hội	72 (7,1)	937 (92,9)	72 (7,1)	124 (12,3)	188 (18,6)	625 (62,0)
Đọc ấn phẩm	508 (50,4)	501 (49,6)	508 (50,4)	138 (13,6)	108 (10,7)	255 (25,3)
Xem phim ảnh/video trực tuyến	305 (30,2)	704 (69,8)	305 (30,2)	183 (18,1)	157 (15,6)	364 (36,1)
Giao tiếp trên điện thoại	385 (38,2)	624 (61,8)	385 (38,2)	102 (10,1)	143 (14,2)	379 (37,5)
Chơi trò chơi điện tử	298 (29,5)	711 (70,5)	298 (29,5)	187 (18,5)	154 (15,3)	370 (36,7)
Các hoạt động khác trên máy tính	385 (38,2)	624 (61,8)	385 (38,2)	117 (11,6)	159 (15,7)	348 (34,5)
Hoạt động phi truyền thông						
Làm bài tập về nhà	104 (10,3)	905 (89,7)	104 (10,3)	199 (19,7)	204 (20,2)	502 (49,8)
Ăn uống	98 (9,7)	911 (90,3)	98 (9,7)	124 (12,3)	209 (20,7)	578 (57,3)
Đổi thoại trực tiếp	359 (35,6)	650 (64,4)	359 (35,6)	183 (18,1)	154 (15,3)	313 (31,0)
Di chuyển	365 (36,2)	644 (63,8)	365 (36,2)	366 (36,3)	126 (12,5)	152 (15,0)
Tự học	156 (15,5)	853 (84,5)	156 (15,5)	211 (20,9)	183 (18,1)	459 (45,5)

Trong nhóm hoạt động truyền thông, học sinh sử dụng đồng thời các PTTT chủ yếu khi đang nhắn tin (97,0%), lướt mạng xã hội (92,9%) và nghe nhạc (90,9%). Hành vi đa nhiệm cũng phổ biến ở các hoạt động như xem tivi (79,2%), chơi trò chơi điện tử (70,5%) hay xem phim ảnh/video trực tuyến (69,8%). Đọc các ấn phẩm là hoạt động ít đa nhiệm với tỉ lệ đa nhiệm là 49,6%. Về mức độ đa nhiệm, phần lớn học sinh sử dụng cùng lúc từ 3 PTTT khác nhau trở lên khi đang thực hiện các hoạt động chính, trong đó tỉ lệ học sinh đa nhiệm trên 4 PTTT cao nhất khi đang nhắn tin và lướt mạng xã hội (74,5% và 62,0%).

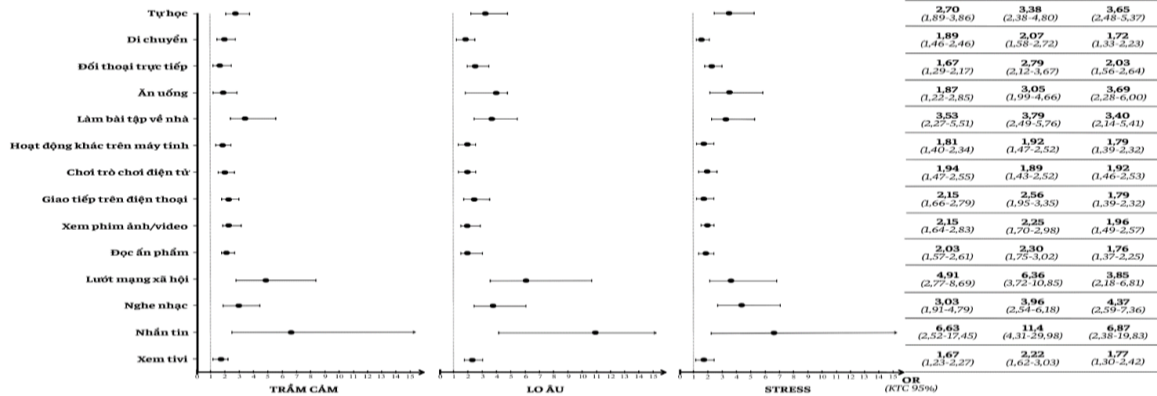
Trong nhóm các hoạt động phi truyền thông, ăn uống và làm bài tập về nhà là 2 hoạt động có tỉ lệ đa nhiệm cao nhất với 90,3% và 89,7%. Tỉ lệ đa nhiệm với 4 PTTT cùng lúc cũng cao nhất khi đang ăn uống (57,3%) và làm bài tập về nhà (49,8%), kế đó là hoạt động tự học (45,5%). Học sinh chủ yếu chỉ sử dụng đồng thời từ 1-2 PTTT trong khi đang di chuyển (36,3%).

Bảng 3: Tỉ lệ và mức độ trầm cảm, lo âu, stress của học sinh (n=1009)

Đặc điểm	Tần số	(%)
Trầm cảm (Có)	563	55,8
Mức độ trầm cảm		
Không	446	44,2
Nhẹ	154	15,3

Trung bình	210	20,8
Nặng	91	9,0
Rất nặng	108	10,7
Rối loạn lo âu (Có)	685	67,9
Mức độ rối loạn lo âu		
Không	324	32,1
Nhẹ	98	9,7
Trung bình	237	23,5
Nặng	131	13,0
Rất nặng	219	21,7
Stress (Có)	507	50,2
Mức độ stress		
Không	502	49,8
Nhẹ	124	12,3
Trung bình	170	16,8
Nặng	153	15,2
Rất nặng	60	5,9

Tỉ lệ học sinh có dấu hiệu rối loạn lo âu cao nhất với 67,9%, các rối loạn trầm cảm và stress lần lượt là 55,8% và 50,2%. Mức độ các RLTT trên học sinh trên không đồng đều nhau. Trong đó, mức độ rối loạn lo âu chủ yếu từ mức trung bình trở lên với 23,5%, 13,0% mức nặng và 21,7% mức rất nặng. Trầm cảm ở học sinh tập trung ở mức độ nhẹ (15,3%) đến trung bình (20,8%), học sinh trầm cảm ở mức độ nặng hoặc rất nặng chiếm 19,7%. Tỉ lệ các mức độ dấu hiệu stress có tỉ lệ từ 12,3% nhẹ, 16,8% trung bình đến 21,1% nặng hoặc rất nặng.



Biểu đồ 1: Mối liên quan giữa tỉ lệ đa nhiệm phương tiện truyền thông và tỉ lệ trầm cảm, lo âu, stress

Kết quả phân tích cho thấy, tất cả đa nhiệm trên các hoạt động được khảo sát đều có mối liên quan liên quan có ý nghĩa thống kê với trầm cảm, lo âu và stress ở học sinh. Tuy nhiên, chênh lệch mắc các rối loạn trên không đồng đều giữa các hoạt động đa nhiệm. Chênh lệch mắc lo âu cao hơn chênh lệch mắc trầm cảm và stress ở hầu hết các hoạt động đa nhiệm ($p < 0,001$). Đối với nhóm các hoạt động truyền thông, đa nhiệm

khi đang nhắn tin, lướt mạng xã hội và nghe nhạc có chênh lệch mắc trầm cảm, lo âu và stress cao hơn các hoạt động còn lại. Trong đó, đa nhiệm khi đang nhắn tin có chênh lệch mắc cả 3 RLTT cao nhất với chênh lệch trầm cảm, lo âu và stress lần lượt gấp 6,63 lần, 11,4 lần và 6,87 lần so với nhóm không có hành vi này khi đang nhắn tin ($p < 0,001$).

Đa nhiệm khi đang làm bài tập về nhà có

chênh lệch mắc trầm cảm và lo âu cao nhất trong nhóm hoạt động phi truyền thông với chênh lệch mắc trầm cảm và lo âu lần lượt gấp 3,53 lần và gấp 3,79 lần so với không đa nhiệm khi làm bài tập về nhà ($p < 0,001$). Trong khi đó, đa nhiệm khi đang ăn uống và tự học có chênh lệch mắc stress cao nhất trong nhóm này với chênh lệch mắc stress lần lượt gấp 3,69 lần và 3,65 lần so với học sinh không có những hành vi tương tự ($p < 0,001$).

IV. BÀN LUẬN

Đa nhiệm phương tiện truyền thông.

Phần lớn học sinh có hành vi đa nhiệm ở các hoạt động như nhắn tin (97,0%), lướt mạng xã hội (92,0%), nghe nhạc (90,9%), xem tivi (79,2%), chơi điện tử (70,5%) và ít đa nhiệm nhất khi đọc các ấn phẩm (49,6%). Đây đều là những hoạt động giải trí đơn giản và dễ dàng tiếp cận đối với giới trẻ. Kết quả này tương tự với cuộc điều tra mở rộng trên 6 quốc gia Hoa Kỳ, Anh, Đức, Hà Lan, Pháp và Tây Ban Nha [5]. Mặc dù không cùng cách tính như chúng tôi nhưng kết quả của nghiên cứu trên người trưởng thành này cho thấy điểm số đa nhiệm rất cao khi sử dụng mạng xã hội (trung bình = 2,47 và độ lệch chuẩn = 0,74), xem tivi (trung bình = 2,45 và độ lệch chuẩn = 0,75) và lướt internet (trung bình = 2,42 và độ lệch chuẩn = 0,74) [5]. Tương tự, hành vi đa nhiệm trong nhóm phi truyền thông xuất hiện chủ yếu ở những hoạt động thiết yếu và quan trọng đối với lứa tuổi học đường là ăn uống (90,3%) và làm bài tập về nhà (89,7%), đây cũng là hai hoạt động có điểm số đa nhiệm cao nhất trên TTN Hà Lan khi đánh giá với cùng thang đo MMM-L [4].

Trầm cảm - lo âu - stress. Tỷ lệ học sinh có biểu hiện trầm cảm, lo âu, stress thấp hơn báo cáo trên học sinh từ 3 trường THPT tại Hà Nội năm 2019 với 36,9% trầm cảm, 69,9% lo âu và 77,9% stress [1] nhưng cao hơn khảo sát trên học sinh THPT tại Thanh Hóa năm 2022 với tỷ lệ trầm cảm, lo âu và stress lần lượt là 43,6%, 49,0% và 41,7% [2]. So với cùng địa điểm thực hiện nghiên cứu và công cụ đánh giá, tỷ lệ cả 3 RLTT trong khảo sát này đều cao hơn nghiên cứu thực hiện vào 4 năm trước trên học sinh từ 3 trường THPT tại TP.HCM với 39,8% trầm cảm, 59,8% lo âu và 36,1% stress [3]. Qua đó, có thể nhận thấy sức khỏe tâm thần của học sinh THPT tại TP.HCM luôn trong tình trạng báo động, cần được quan tâm thường xuyên và liên tục.

Mối liên quan giữa đa nhiệm phương tiện truyền thông và trầm cảm - lo âu

stress. Kết quả cho thấy tất cả các hoạt động đa nhiệm đều có liên quan tiêu cực với tình trạng trầm cảm, lo âu và stress ở học sinh ($p < 0,001$). Mối liên quan này đã được báo cáo trong nhiều nghiên cứu trước như mức độ đa nhiệm PTTT của sinh viên đại học Mỹ có liên quan đến sự gia tăng trầm cảm và lo âu ($p < 0,001$) [5], hay mối tương quan thuận với giữa điểm trung bình đa nhiệm PTTT và điểm số trầm cảm ($r = 0,221$, $p < 0,01$) và lo âu ($r = 0,195$, $p < 0,01$) ở sinh viên Trung Quốc [6]. Kết quả cũng tương tự với mối liên quan chặt chẽ giữa tần suất đa nhiệm với tình trạng lo âu ($r = 0,267$, $p < 0,05$) ở giới trẻ nước Anh [8] và liên quan đến stress ($p < 0,01$) ở học sinh tiểu học tại Úc [7]. Tuy nhiên, phần lớn các báo cáo chưa chỉ ra được cụ thể những hoạt động đa nhiệm nào có khả năng ảnh hưởng nhiều hơn đến các RLTT ở người sử dụng.

Nhắn tin, nghe nhạc và sử dụng mạng xã hội là những hoạt động truyền thông mà học sinh thường đa nhiệm nhất. Trong đó, chênh lệch trầm cảm, lo âu và stress cao nhất ở nhóm học sinh đa nhiệm khi đang nhắn tin ($p < 0,001$). Đa nhiệm trong khi xem tivi, lướt mạng xã hội, đọc các ấn phẩm, xem phim ảnh, làm bài tập về nhà, đối thoại trực tiếp chênh lệch lo âu nhiều hơn ($p < 0,001$), đa nhiệm trong khi chơi trò chơi điện tử có chênh lệch trầm cảm nhiều hơn ($p < 0,001$), đa nhiệm khi đang nghe nhạc, ăn uống và tự học có chênh lệch stress nhiều hơn ($p < 0,001$). Mối liên quan không đồng đều giữa các hành vi đa nhiệm này tương tự với cuộc điều tra trên sinh viên tại Úc khi cho thấy đa nhiệm trong lúc giao tiếp bằng các thiết bị công nghệ có liên quan đến mức độ cao hơn đối với trầm cảm ($r = 0,17$, $p < 0,01$), trạng thái lo âu ($r = 0,13$, $p < 0,01$) và lo âu xã hội ($r = 0,10$, $p < 0,05$), đa nhiệm khi đang dùng mạng xã hội ($r = 0,11$, $p < 0,05$) hoặc nghe nhạc ($r = 0,10$, $p < 0,05$) có liên quan đến mức độ trầm cảm nhiều hơn, trong khi đa nhiệm khi sử dụng mạng xã hội ($r = 0,14$, $p < 0,01$) và xem tivi hoặc phim ảnh ($r = 0,10$, $p < 0,05$) có liên quan đến trạng thái lo âu nhiều hơn [7]. Hành vi đa nhiệm trên các hoạt động khác nhau có thể dự đoán nguy cơ trầm cảm, lo âu và stress khác nhau ở học sinh, trong đó học sinh càng đa nhiệm trên nhiều hoạt động thì nguy cơ mắc các rối loạn trên càng cao.

Nghiên cứu có một số điểm hạn chế. Việc sử dụng bộ câu hỏi tự điền với thang đo đa nhiệm phương tiện truyền thông MMM-L chưa được chuẩn hóa, cũng như chủ đề tiếp cận mới mẻ có thể khiến học sinh không hiểu hết ý nghĩa, dẫn đến khả năng sai lệch thông tin thông qua tự

báo cáo và hồi tưởng. Bên cạnh đó, nghiên cứu chỉ đang quan tâm đến mối liên quan giữa hành vi đa nhiệm và trầm cảm, lo âu, stress mà chưa kiểm soát các yếu tố có thể tương tác hoặc gây nhiễu. Cuối cùng, do đặc điểm của nghiên cứu cắt ngang nên chỉ có thể làm sáng tỏ mối liên quan chứ không xác định chiều hướng nguyên nhân – kết quả. Vì vậy, cần thực hiện những nghiên cứu phân tích trong tương lai nhằm cung cấp bằng chứng mạnh hơn về mối liên quan này vì đây là vấn đề rất quan trọng ở VTN.

V. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Có mối liên quan giữa đa nhiệm phương tiện truyền thông và trầm cảm, lo âu, stress ở học sinh THPT tại TP.HCM. Chênh lệch mắc các rối loạn trên khác nhau đối với từng hoạt động đa nhiệm. Đa nhiệm khi nhắn tin, nghe nhạc và lướt mạng xã hội có chênh lệch mắc trầm cảm, lo âu, stress cao nhất trong nhóm hoạt động truyền thông. Đa nhiệm khi đang làm bài tập về nhà có chênh lệch mắc trầm cảm và lo âu cao nhất, đa nhiệm khi đang ăn uống và tự học có chênh lệch mắc stress cao nhất trong nhóm hoạt động phi truyền thông. Nghiên cứu cho thấy cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường trong việc kiểm soát, quản lý hoạt động sử dụng các phương tiện truyền thông và hành vi lối sống hàng ngày của học sinh để phòng tránh các vấn đề sức khỏe tâm thần.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Trần Văn Công, Nguyễn Thị Hoài Thương, Trần Thành Nam** (2019) "Thực trạng khó khăn tâm lý của học sinh và nhu cầu sử dụng ứng dụng tư vấn tâm lý trong trường học". Khoa học và công nghệ Việt Nam, 61 (10)
2. **Nguyễn Danh Lâm, Lê Minh Giang, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Diệu Thủy, Nguyễn Thị Thanh Mai** (2022) "Thực trạng nguy cơ stress, lo âu, trầm cảm của học sinh trung học phổ thông huyện Yên Định, Thanh Hóa". Tạp chí y học Việt Nam, 1 (516), tr. 67-70.
3. **Thai TT, Vu NLLT, Bui HHT** (2020) "Mental health literacy and help-seeking preferences in high school students in Ho Chi Minh City, Vietnam". School Mental Health, 12 (2), pp. 378-387.
4. **Baumgartner S, Wouter Weeda, van der Heijden Lisa L., Mariette Huizinga** (2014) "The relationship between media multitasking and executive function in early adolescents". Journal of Early Adolescence, 34 (8), pp. 1120-1144.
5. **Hilde Voorveld, Claire M Segijn, Paul Ketelaar, Edith G. Smit** (2014) "Investigating the prevalence and predictors of media multitasking across countries". International Journal of Communication, 8 (1), pp. 2755-2777.
6. **Li Shiyi, Fan Lifang** (2022) "Media multitasking, depression, and anxiety of college students: Serial mediating effects of attention control and negative information attentional bias". Frontiers in Psychiatry, 13:989201
7. **Mindy Lee, Karen Murphy, Glenda Andrews** (2018) "Using Media While Interacting Face-to-Face Is Associated With Psychosocial Well-Being and Personality Traits". Psychol Rep, 122 (3), pp. 944-967.
8. **Myoungju Shin, Eva Kemps** (2020) "Media multitasking as an avoidance coping strategy against emotionally negative stimuli". Anxiety, Stress & Coping, 33 (4), pp. 440-451.

BƯỚC ĐẦU XÁC ĐỊNH THÔNG SỐ XÂY DỰNG MẠNG LƯỚI THẦN KINH NHÂN TẠO TRONG ƯỚC LƯỢNG ĐỘ LỘC CẦU THẬN

Văn Hy Triết^{1,2}, Võ Minh Tuấn¹, Nguyễn Trương Công Minh^{1,2},
Lê Quốc Tuấn^{1,2}, Nguyễn Thị Lệ^{1,2}, Lê Thị Mai Dung¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Tìm ra những thông số có mối tương quan chặt chẽ bằng cách sử dụng mô hình mạng lưới thần kinh nhân tạo học hồi tử các công thức eGFR trong các xét nghiệm sinh hóa (glucose, albumin, protein, axit uric, urê, creatinin trong máu và creatinin trong nước tiểu) và các thông số sinh học (tuổi, giới

tính, BMI, huyết áp, chiều cao, cân nặng vòng eo, vòng hông) để làm cơ sở xây dựng các mô hình ANN tiếp theo. **Phương pháp nghiên cứu:** Cắt ngang mô tả trên các đối tượng tình nguyện sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu, các đối tượng bệnh thận mạn tại phòng khám thận, bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh cơ sở 2. Khảo sát các yếu tố tuổi, giới, chiều cao, cân nặng, huyết áp, vòng eo, vòng hông, BMI, glucose, ure, creatinin, protein, albumin, acid uric trong máu và creatinin trong nước tiểu 24 giờ. **Kết quả:** Có 161 người tham gia trong đó có 115 người tình nguyện khỏe mạnh và 46 người bệnh thận mạn. Xác định 3 thông số protein, creatinin huyết thanh, cân nặng có tương quan chặt chẽ với mạng lưới thần kinh nhân tạo từ các công thức ước lượng độ lọc cầu thận thiết lập. **Kết luận:** Sử dụng 3

¹Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.

²Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh cơ sở 2

Chịu trách nhiệm chính: Văn Hy Triết

Email: vanhytriet@gmail.com

Ngày nhận bài: 5.5.2023

Ngày phản biện khoa học: 20.6.2023

Ngày duyệt bài: 7.7.2023